| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**XÃ NGUYỄN TRÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 167/NQ-HĐND | *Nguyễn Trãi, ngày 05 tháng 8 năm 2025* |

# NGHỊ QUYẾT
## Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách địa phương năm 2025

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN TRÃI
## KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu chi ngân sách cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1262/HD-STC ngày 09/8/2024 của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/ĐU ngày 31/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;*

*Xét Báo cáo 31/BC-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Nguyễn Trãi; Báo cáo Thẩm tra số 02/BC- BKTNS ngày 01/8/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách, ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu HĐND xã.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.**

**1.** Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025: 1.280.542 triệu đồng,

**2.** Thu ngân sách địa phương: 813.472 triệu đồng.

***2.1.*** Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 746.132 triệu đồng, trong đó:

- Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%: 620 triệu đồng
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 745.512 triệu đồng

***2.2.*** Bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh: 67.340 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối: 49.440 triệu đồng;
- Bổ sung có mục tiêu: 17.900 triệu đồng.

**3.** Dự toán chi ngân sách địa phương: 813.472 triệu đồng. Trong đó:

3.1. Chi cân đối NSĐP: 795.572 triệu đồng

- Chi đầu tư phát triển: 744.749 triệu đồng
- Chi thường xuyên: 47.559 triệu đồng
- Dự phòng: 3.264 triệu đồng

3.2. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 17.900 triệu đồng

*(Theo các biểu chi tiết đính kèm)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo quy định của pháp luật. Trong đó, tập trung chỉ đạo một số nội dung sau:

- Thực hiện dự toán ngân sách nhà nước phải đúng quy định, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra và công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; phát hiện kịp thời và xử lý các trường hợp kê khai không đúng, gian lận, trốn thuế và chây ỳ không nộp thuế.

- Chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng phòng, ban, cơ quan đơn vị; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; hạn chế mua sắm trang thiết bị có giá trị lớn chưa cần thiết, đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý, chi ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước.

- Dành nguồn tăng thu để chi đầu tư phát triển, hỗ trợ hộ nghèo, đối tượng chính sách, tạo nguồn cải cách tiền lương và hỗ trợ mua sắm sửa chữa để nâng cao chất lượng dịch vụ công. Rà soát, cân đối bố trí ngân sách đối với các cơ quan, tổ chức liên quan thuộc diện sáp nhập theo quy định.

**2.** Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các tổ đại biểu HĐND xã và các đại biểu HĐND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa XX - kỳ họp thứ Hai nhất trí thông qua ngày 05 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã thông qua./.

***Nơi nhận*:**
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Uỷ ban MTTQ xã;
- Các ban, phòng, đơn vị xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

H.Đ.N.D XÃ NGUYÊN TRÁI T. HƯNG YÊN

**Dương Tuấn Kiệt**

Biểu mẫu số 15

# CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

*(Kèm theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 05/08/2025 của HĐND xã Nguyễn Trãi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán tỉnh | Dự toán xã |
|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 |
| **A** | **TỔNG NGUỒN THU NSĐP** | **181,223** | **813,472** |
| **I** | **Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp** | **113,883** | **746,132** |
| - | Thu NSĐP hưởng 100% | 620 | 620 |
| - | Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia | 113,263 | 745,512 |
| **II** | **Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên** | **67,340** | **67,340** |
| 1 | Thu bổ sung cân đối ngân sách | 49,440 | 49,440 |
| 2 | Thu bổ sung có mục tiêu | 17,900 | 17,900 |
| **III** | **Thu từ quỹ dự trữ tài chính** | | |
| **IV** | **Thu kết dư** | | |
| **V** | **Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang** | | |
| **B** | **TỔNG CHI NSĐP** | **181,223** | **813,472** |
| **I** | **Tổng chi cân đối NSĐP** | **163,323** | **795,572** |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 112,500 | 744,749 |
| 2 | Chi thường xuyên | 47,559 | 47,559 |
| 3 | Dự phòng ngân sách | 3,264 | 3,264 |
| 4 | Chi nộp ngân sách cấp trên | | |
| **II** | **Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu** | **17,900** | **17,900** |
| **III** | **Chi các chương trình mục tiêu** | | |
| 1 | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia | | |
| 2 | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ | | |
| **IV** | **Chi chuyển nguồn sang năm sau** | | |
| **C** | **BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP** | | |
| **D** | **CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP** | | |
| **I** | **Từ nguồn vay để trả nợ gốc** | | |
| **II** | **Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh** | | |
| **E** | **TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP** | | |
| **I** | **Vay để bù đắp bội chi** | | |
| **II** | **Vay để trả nợ gốc** | | |

Biểu mẫu số 16

# DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

*(Kèm theo Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 05/08/2025 của HĐND xã Nguyễn Trãi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2025 tỉnh giao | | Dự toán năm 2025 xã giao | | So sánh DT xã với DT tỉnh (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thu NSNN | Thu NSĐP | Thu NSNN | Thu NSĐP | Thu NSNN | Thu NSĐP |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| | **TỔNG CỘNG** | **377,330** | **113,883** | **1,280,542** | **746,132** | **339.4** | **655.2** |
| **I** | **Thu nội địa** | **377,330** | **113,883** | **1,280,542** | **746,132** | **339.4** | **655.2** |
| 1 | Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý | | | | | | |
| 2 | Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý | | | | | | |
| 3 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | |
| 4 | Thu từ khu vực CTN-DVNQD | 555 | 222 | 555 | 222 | 100 | 100 |
| 5 | Thuế thu nhập cá nhân | 660 | 298 | 660 | 298 | 100 | 100 |
| 6 | Thuế bảo vệ môi trường | | | | | | |
| 7 | Lệ phí trước bạ | 480 | 240 | 480 | 240 | 100 | 100 |
| 8 | Thu phí, lệ phí | 52 | 52 | 52 | 52 | 100 | 100 |
| - | *Phí và lệ phí trung ương* | | | | | | |
| - | *Phí và lệ phí huyện* | | | | | | |
| - | *Phí và lệ phí xã, phường* | 26 | 26 | 26 | 26 | *100* | *100* |
| - | *Lệ phí môn bài* | 26 | 26 | 26 | 26 | *100* | *100* |
| 9 | Thuế sử dụng đất nông nghiệp | | | | | | |
| 10 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 260 | 260 | 260 | 260 | 100 | 100 |
| 11 | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | 15 | 3 | 15 | 3 | 100 | 100 |
| 12 | Thu tiền sử dụng đất | 375,000 | 112,500 | 1,278,212 | 744,749 | 340.9 | 662.0 |
| 13 | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước | | | | | | |
| 14 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết | | | | | | |
| 15 | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | | | | | | |
| 16 | Thu khác ngân sách | 73 | 73 | 73 | 73 | 100 | 100 |
| 17 | Thu tại xã (Hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích) | 235 | 235 | 235 | 235 | 100 | 100 |
| 18 | Thu hồi vốn, thu cổ tức | | | | | | |
| **II** | **Thu từ dầu thô** | | | | | | |
| **III** | **Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu** | | | | | | |
| **IV** | **Thu huy động, đóng góp của tổ chức, cá nhân** | | | | | | |

Biểu mẫu số 17

# DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

*(Kèm theo Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 05/08/2025 của HĐND xã Nguyễn Trãi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán tỉnh giao | Dự toán xã giao |
|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 |
| | **TỔNG CHI NSĐP** | 181,223 | 813,472 |
| **A** | **CHI CÂN ĐỐI NSĐP** | 163,323 | 795,572 |
| **I** | **Chi đầu tư phát triển** | 112,500 | 744,749 |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | 112,500 | 744,749 |
| 2 | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật | | |
| 3 | Chi đầu tư phát triển khác | | |
| **II** | **Chi thường xuyên** | 47,559 | 47,559 |
| | *Trong đó:* | | |
| *1* | *Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề* | | |
| *2* | *Chi khoa học và công nghệ* | | |
| **III** | **Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay** | | |
| **IV** | **Chi chuyển nguồn sang năm sau** | | |
| **V** | **Dự phòng ngân sách** | 3,264 | 3,264 |
| **VI** | **Chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ tăng thu** | | |
| **VII** | **CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU** | | |
| **1** | **Chi các chương trình mục tiêu quốc gia** | | |
| **2** | **Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ** | | |
| **B** | **CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU** | 17,900 | 17,900 |